CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 33:2010/BTNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI PHẾ LIỆU GIẤY NHẬP KHẨU

National technical regulation on environment for imported paper scrap

HÀ NỘI - 2010

Lời nói đầu

QCVN 33:2010/BTNMT do *Tổ soạn thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu* biên soạn, Tổng cục Môi trường, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 43/2010/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 29 tháng 12 năm 2010.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI PHẾ LIỆU GIẤY NHẬP KHẨU

National technical regulation on environment for imported paper scrap

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.1.1. Quy chuẩn này quy định về các loại phế liệu giấy được phép nhập khẩu, các loại phế liệu giấy không được phép nhập khẩu, thành phần và số lượng các loại tạp chất có thể còn bị bám dính và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài.

1.1.2. Quy chuẩn này không điều chỉnh đối với phế liệu giấy nhập khẩu từ các doanh nghiệp trong khu phi thuế quan trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu giấy, sử dụng phế liệu giấy nhập khẩu, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức đánh giá sự phù hợp có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu giấy từ nước ngoài.

1.2.2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu phát sinh từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong khu phi thuế quan trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Tạp chất: là các vật liệu không phải là giấy lẫn trong phế liệu giấy; bao gồm những vật liệu bám dính hoặc không bám dính vào giấy

1.3.2. Tạp chất nguy hại: là chất thải nguy hại theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại QCVN 07:2009/BTNMT, ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3.3. Mã HS: là mã số phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu ghi trong Biểu thuế xuất nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành.

1.3.4. Lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu: là lượng phế liệu giấy do một tổ chức, cá nhân nhập khẩu đăng ký kiểm tra một lần để được nhập khẩu vào Việt Nam; một lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu có thể gồm 1 hoặc một số khối hàng phế liệu giấy có mã HS khác nhau.

1.3.5. Khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu: là lượng phế liệu giấy đã được phân loại riêng theo một mã HS nhất định, thuộc lô hàng phế liệu giấy do một tổ chức, cá nhân nhập khẩu đăng ký kiểm tra; khối hàng phế liệu có thể là một phần hoặc toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định về phân loại, làm sạch phế liệu:

2.1.1. Lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu chỉ được bao gồm một hoặc một số khối hàng phế liệu giấy đã được phân loại riêng biệt theo từng mã HS thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

2.1.2. Từng khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu phải được sắp xếp tách riêng trong lô hàng nhập khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra tại cửa khẩu.

2.1.3. Trong mỗi khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu, lượng phế liệu giấy có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu không được vượt quá tỷ lệ 20% tổng khối lượng của khối hàng.

2.1.4. Lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu phải được làm sạch để loại bỏ chất thải, những loại vật liệu, vật phẩm, hàng hóa cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đáp ứng các yêu cầu cụ thể tại mục 2.3 và 2.4 của Quy chuẩn này.

2.2. Quy định về loại phế liệu giấy được phép nhập khẩu:

Các loại giấy (bao gồm cả các loại giấy đã được tráng phủ bề mặt) và các tông, được lựa chọn, phân loại từ giấy và các tông đã qua sử dụng, hoặc bị loại ra trong quá trình sản xuất, phân loại, gia công, in ấn được sử dụng để tái sản xuất thành bột giấy, giấy và các tông.

2.3. Quy định về loại phế liệu giấy không được phép nhập khẩu:

2.3.1. Vỏ bao bì giấy đã qua sử dụng để chứa dầu, nhớt, mỡ, hóa chất, thực phẩm; các loại bao bì giấy còn đóng kín.

2.3.2. Giấy hoặc các tông đã qua sử dụng để bọc cửa trong khách sạn, nhà chung cư có thành phần chất chống cháy (hợp chất PBDE (Polybrominated diphenyl ether), hợp chất PBB (Poly Brominated Biphenyl), các hợp chất gốc phthalate).

2.3.3. Giấy hoặc các tông đã bị cháy dở.

2.4. Tạp chất, vật phẩm, vật liệu không được lẫn trong phế liệu giấy nhập khẩu, bao gồm:

2.4.1. Vật liệu chứa hoặc nhiễm chất phóng xạ, chất dễ nổ, chất thải y tế.

2.4.2. Các vật liệu khác không phải là giấy hoặc các tông, trừ khi các vật liệu này còn bám dính vào phế liệu giấy hoặc bị rời ra trong quá trình đóng gói, vận chuyển, xếp, dỡ.

2.4.3. Tạp chất nguy hại.

2.5. Tạp chất không mong muốn, được phép còn lẫn trong phế liệu giấy nhập khẩu, bao gồm:

2.5.1. Các tạp chất bám dính do quá trình vận chuyển, xếp, dỡ, như: bụi, đất, cát.

2.5.2. Các loại vật liệu còn sót lại mà thường được sử dụng cùng với giấy: đinh ghim, dây buộc, nilông, keo dán, vật liệu sử dụng để đóng kiện phế liệu giấy. Trong mỗi khối hàng, tổng lượng các loại tạp chất quy định tại mục này không vượt quá 2% khối lượng của khối hàng.

2.5.3. Dư lượng hóa chất chống nấm, mốc, côn trùng, sử dụng để bảo quản phế liệu giấy trước khi vận chuyển.

2.6. Phế liệu giấy nhập khẩu phải có độ ẩm không vượt quá 20%.

3. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐỐI VỚI PHẾ LIỆU GIẤY NHẬP KHẨU

3.1. Phương pháp kiểm tra, trưng cầu giám định sự tuân thủ về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu:

3.1.1. Cơ quan hải quan kiểm tra trực tiếp bằng mắt thường tại chỗ.

3.1.2. Trong trường hợp còn nghi vấn chưa thể ra quyết định thông quan hoặc buộc tái xuất, cơ quan hải quan có thể áp dụng phương pháp trưng cầu ý kiến chuyên gia thông qua tư vấn của Hội đồng kiểm tra phế liệu nhập khẩu để đánh giá sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu của lô hàng phế liệu nhập khẩu.

Hội đồng kiểm tra phế liệu nhập khẩu do Cơ quan hải quan thành lập. Hội đồng kiểm tra bao gồm thành viên là đại diện các Cơ quan: Hải quan, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Phòng Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường), Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Môi trường, Cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường và một số Bộ, ngành liên quan, chuyên gia tư vấn về môi trường, chuyên gia kỹ thuật của ngành sản xuất có sử dụng loại phế liệu nhập khẩu và đại diện Hiệp hội ngành nghề. Thành phần và số lượng thành viên Hội đồng kiểm tra phụ thuộc vào tính chất của vụ việc và do Cơ quan hải quan quyết định.

3.1.3. Trường hợp kiểm tra trực tiếp bằng mắt thường chưa xác định được lô hàng nhập khẩu có đáp ứng đủ điều kiện đối với phế liệu nhập khẩu, Cơ quan hải quan áp dụng một hoặc một số phương thức trưng cầu giám định về môi trường đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu như sau:

a) Lấy mẫu ngẫu nhiên từ một số công ten nơ hoặc từ một số điểm khác nhau thuộc khối hàng rời của lô hàng nhập khẩu. Trong trường hợp nghi ngờ khối hàng phế liệu nhập khẩu có lẫn tạp chất nguy hại hoặc các vật liệu, vật phẩm cấm nhập khẩu, cơ quan kiểm tra có thể lấy mẫu tại các điểm nghi ngờ để gửi trưng cầu giám định.

b) Lấy mẫu đại diện từ tất cả các công ten nơ hoặc từ các điểm khác nhau thuộc khối hàng rời của lô hàng nhập khẩu. Trong trường hợp nghi ngờ khối hàng phế liệu nhập khẩu có lẫn tạp chất nguy hại hoặc các vật liệu, vật phẩm cấm nhập khẩu, cơ quan kiểm tra có thể lấy thêm mẫu tại các điểm nghi ngờ để gửi trưng cầu giám định.

c) Yêu cầu một hoặc nhiều tổ chức cung cấp dịch vụ giám định hàng hóa có đủ điều kiện thực hiện toàn bộ việc lấy mẫu và giám định sự phù hợp đối với Quy chuẩn này của lô hàng phế liệu nhập khẩu.

3.1.4. Đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu bao gồm nhiều khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu có mã HS khác nhau thì cần phải kiểm tra tất cả các khối hàng trong lô hàng để đánh giá sự phù hợp với Quy chuẩn này của từng khối hàng.

3.1.5. Việc cho phép thông quan hoặc xử lý vi phạm được áp dụng đối với từng khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu được kiểm tra.

3.2. Phương pháp lấy mẫu đại diện và xác định tạp chất trong phế liệu:

3.2.1. Lấy mẫu đại diện:

Với mỗi công ten nơ hoặc một khối hàng rời trong lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu được kiểm tra, lấy tối thiểu 5 mẫu bất kỳ ở các vị trí khác nhau (với khoảng cách giữa các điểm lấy mẫu tương đối đồng đều theo hình chữ nhật hoặc hình vuông, hình chóp tam giác, hình chữ Z ...), sau đó trộn lẫn với nhau, với tổng khối lượng không nhỏ hơn 10kg.

Ngoài yêu cầu trên, số lượng và khối lượng mẫu phụ thuộc vào tính chất của vụ việc và do cơ quan hải quan hoặc cơ quan kiểm định được ủy quyền quyết định.

Nếu nghi ngờ có các vị trí lẫn tạp chất nguy hại hoặc các vật liệu, vật phẩm cấm nhập khẩu trong lô hàng phế liệu, cơ quan kiểm tra có quyền chỉ định lấy mẫu đúng vị trí nghi ngờ.

Mẫu sau khi trộn được coi là mẫu đại diện của từng công ten nơ hoặc khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu được kiểm tra.

3.2.2. Xác định khối lượng tạp chất:

Tiến hành tách, phân loại các tạp chất bằng các phương pháp cơ, lý để tách riêng tạp chất khỏi phế liệu giấy và đo khối lượng của các tạp chất này.

Hàm lượng các tạp chất là tỷ lệ khối lượng các tạp chất so với tổng khối lượng mẫu thử, được tính bằng đơn vị phần trăm.

Lượng tạp chất tách ra không được lẫn tạp chất nguy hại. Tạp chất nguy hại được xác định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại QCVN 07:2009/BTNMT và Danh mục chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

3.2.3. Xác định độ ẩm trong khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1867:2007 Giấy và các tông - Xác định độ ẩm - Phương pháp sấy khô.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và mọi tổ chức, cá nhân liên quan đến việc nhập khẩu phế liệu giấy từ nước ngoài phải tuân thủ quy định tại Quy chuẩn này.

4.2. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có trách nhiệm, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.3. Trường hợp các văn bản (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại QCVN 07:2009/BTNMT, Danh mục chất thải nguy hại, Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1867:2007) viện dẫn trong Quy chuẩn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.